TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN HIỆP** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

---

Bản án số:10/2022/DS-ST
Ngày 12/4/2022
V/v "*T/c Hợp đồng vay tài sản*"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN HIỆP, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa: Bà **Trần Thị Ngọc Ái**

Các hội thẩm nhân dân: Ông **Ngô Rô Be**

Ông **Nguyễn Minh Ngọc**

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà **Trần Huỳnh Thiên Ân** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Hiệp tham gia phiên toà: Ông **Nguyễn Trần Đức Tuyên** – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 4 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 148/2021/TLST-DS ngày 02/12/2021 về vụ kiện "*Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản*" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2022/QĐXXST-DS ngày 24/3/2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Trần Kim L** – sinh năm 1974 *(có mặt)*

Địa chỉ: Số nhà 145, Tổ 04, Ấp T, xã A, huyện H, tỉnh Kiên Giang.

2. Bị đơn: Chị **Nguyễn Thị N** – sinh năm 1972 *(có mặt)*

Địa chỉ: Số nhà 132, Tổ 05, Ấp T, xã A, huyện H, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

**** Theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa nguyên đơn chị Trần Kim L trình bày:***

Trước đây vào ngày 20/10/2019 tôi có cho chị N mượn số tiền là 10.000.000 đồng, đến ngày 07/3/2020 tôi cho chị N mượn thêm số tiền là 7.000.000 đồng, thoả thuận lãi suất là 1.000.000 đồng bằng 40.000 đồng/tháng, chị N có đóng lãi cho tôi được 2 tháng, khi đóng lãi thì không có giấy tờ gì sau đó thì chị N không trả gốc và cũng không đóng lãi cho tôi. Tôi có yêu cầu ban lãnh đạo ấp T giải quyết, ban lãnh đạo ấp

mời tôi và chị N lên làm việc thì chị N trả cho tôi được 7.000.000 đồng và hẹn đến ngày 26/6/2021 trả thêm 10.000.000 đồng nhưng từ đó cho đến nay thì chị N không trả tiền cho tôi, mỗi lần mượn nợ đều có biên nhận, sau khi chị N trả cho tôi 7.000.000 đồng thì tôi đã xé biên nhận tại ấp T, số tiền nợ này không liên quan gì đến việc chơi hụi giữa tôi và chị N.

Tại phiên toà tôi yêu cầu chị N trả cho tôi số tiền gốc là 10.000.000 đồng (*Mười triệu đồng*), không yêu cầu tính lãi và yêu cầu trả đủ một lần, tôi chỉ yêu cầu chị N trả tiền cho tôi, không yêu cầu người nào khác cùng có trách nhiệm trả tiền cho tôi.

**** Bị đơn chị Nguyễn Thị N trình bày tại bản tự khai và tại phiên toà:***

Vào ngày 15/6/2017 tôi có rủ chị em hội viên chơi hùn vốn với số tiền là mỗi chị 2.000.000 đồng, các chị đồng ý tham gia tổng số chị em là 25 người, chị L là người hốt cuối cùng. Tổng số tiền chị L hốt là 50.000.000 đồng, trừ đi 1.000.000 đồng tiền đầu thảo, số tiền chị L còn được nhận là 49.000.000 đồng, đến ngày 15/6/2019 tôi có giao tiền cho chị L là 39.000.000 đồng, còn nợ lại của chị L 10.000.000 đồng, tôi có làm biên nhận nợ cho chị L và thoả thuận lãi là 40.000 đồng/1.000.000/tháng.

Nay tại phiên toà tôi thừa nhận còn nợ của chị L số tiền là 10.000.000 đồng (*Mười triệu đồng),* tôi xin trả dần cho chị L mỗi tháng là 1.000.000 đồng vì hiện nay hoàn cảnh kinh tế tôi đang gặp khó khăn không có khả năng trả nợ. Số nợ này tôi tự chịu trách nhiệm trả cho chị L.

**** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Hiệp phát biểu ý kiến:*** Thẩm phán, Hội đồng xét xử và thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa. Các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Hiệp đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Kim L. Buộc chị Nguyễn Thị N trả cho chị Trần Kim L số tiền là 10.000.000 đồng. Về án phí chị Nguyễn Thị N phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Quan hệ pháp luật tranh chấp: Hội đồng xét xử xét thấy. Chị L cho rằng trước đây chị có cho chị N vay 02 lần với tổng số tiền là 17. 000.000 đồng, có làm biên nhận nợ, sau đó chị N đã trả cho chị L được 7.000.000 đồng, hiện nay chị N còn nợ của chị L số tiền là 10.000.000 đồng. Chị L đã giao nộp cho Toà án biên nhận nợ do chị N viết để

chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình và chị N cũng thừa nhận chữ viết và chữ ký trong biên nhận do chị L giao nộp cho Toà án là do chị N viết và ký tên.

Chị N cho rằng số tiền 10.000.000 đồng hiện nay chị N còn nợ của chị L là do trước đây giữa chị L và chị N có chơi hụi với nhau, chị N làm chủ hụi, khi chị L hốt hụi thì chị N giao tiền hụi cho chị L nhưng còn thiếu 10.000.000 đồng nên chị N có làm biên nhận cho chị L. Chị N giao nộp cho Toà án tờ giấy viết tay với nội dung "...vợ V hốt 49.000.000 đồng. Tổng kết 30/6/2019", chị N xác nhận tờ giấy nói trên là do chị N tự viết và tên "vợ V" là do ở ngoài mọi người thường gọi chị L là "vợ V". Hội đồng xét xử xét thấy nội dung tờ giấy do chị N cung cấp chỉ thể hiện việc chị V hốt hụi 49.000.000 đồng, không thể hiện được việc chị N đã giao cho chị L số tiền hụi là bao nhiêu và còn nợ lại bao nhiêu và không được chị L xác nhận.

Từ những căn cứ nói trên Hội đồng xét xử thống nhất quan hệ pháp luật tranh chấp xảy ra giữa chị Trần Kim L và chị Nguyễn Thị N là quan hệ "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015.

[2] Xét yêu cầu của chị L yêu cầu chị N trả số tiền gốc là 10.000.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy chị L và chị N thống nhất hiện nay chị N còn nợ của chị L số tiền gốc là 10.000.000 đồng, ngoài ra thì chị N không còn nợ chị L khoản nợ nào khác. Căn cứ vào khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh, Hội đồng xét xử xác định đây là sự thật.

[3] Xét lời trình bày của chị N cho rằng hiện nay hoàn cảnh kinh tế của chị N đang gặp khó khăn nên chị N xin trả dần cho chị L số tiền gốc mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi dứt nợ. Việc chị N xin trả dần số tiền trên không được chị L chấp nhận, nên yêu cầu của chị N không có cơ sở chấp nhận. Hơn nữa, trước đây chị L đã đồng ý để cho chị N trả dần số tiền còn nợ, nhưng chị N đã không thực hiện đúng theo thỏa thuận làm ảnh hưởng đến quyền lợi chính đáng của chị L.

Các đương sự không yêu cầu tính lãi nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Từ những nhận định trên Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị L, buộc chị N có nghĩa vụ trả cho chị L số tiền 10.000.000 đồng *(Mười triệu đồng)* là phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Xét ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát. Từ những nhận định trên Hội đồng xét xử xét thấy ý kiến của vị đại diện viện kiểm sát là hoàn toàn phù hợp, có cơ sở chấp nhận theo đúng quy định của pháp luật.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường Vụ Quốc Hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Giá trị tài sản tranh chấp là: 10.000.000 đồng.

Án phí tính như sau: 10.000.000 đồng x 5% = 500.000 đồng (*Năm trăm nghìn đồng*).

Yêu cầu của chị L được chấp nhận nên chị L không phải chịu tiền án phí. Trả lại cho chị L số tiền tạm ứng án phí là 800.000 đồng (*Tám trăm nghìn dồng*) theo lai thu số 0006149 ngày 19/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

Buộc chị N phải nộp 500.000 đồng (*Năm trăm nghìn đồng*).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ các Điều 26, 35, 91, 92, 147, 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

- Áp dụng các Điều 463, 466 Bộ luật dân sự 2015;

- Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường Vụ Quốc Hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Trần Kim L.

2. Buộc chị Nguyễn Thị N phải trả cho chị Trần Kim L số tiền là 10.000.000đ *(Mười triệu đồng)*.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

- Buộc chị Nguyễn Thị N phải nộp 500.000 đồng (*Năm trăm nghìn đồng*).

- Hoàn trả cho chị Trần Kim L số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn dồng*) theo lai thu số 0006149 ngày 19/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

Trường hợp bản án quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo trong thời hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Kiên Giang;*
- *VKS nhân dân huyện Tân Hiệp;*
- *Chi cục THADS huyện Tân Hiệp;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Ngọc Ái